

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2020
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mười;
2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 529/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Trần Minh T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc T trình bày:

Chị Hồ Thị Ngọc T và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2008. Anh chị tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới, vợ chồng chị T sống chung với gia đình anh T. Trong quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không hòa hợp về cách sống, không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị T nhiều lần khuyên nhủ, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa cũng đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 chị T, anh T đã ly thân đến

nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu vợ chồng chị T còn sống chung nhà nhưng tình cảm không còn. Từ tháng 9/2020 đến nay, anh chị sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mỗi ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: chị T, anh T có 01 con chung tên là Trần Hồ Bảo N, sinh ngày 09/3/2012. Hiện nay, cháu N đang sống với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và lo cho cháu chu đáo.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 05/10/2020, chị Hồ Thị Ngọc T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị T*:

Chị T, anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2008. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không hòa hợp về cách sống, không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị T nhiều lần tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên nhủ

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2018, chị T, anh T ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định anh T không còn tha thiết và không mong muốn cố gắng duy trì tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị T nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh T, chị T có 01 con chung là Trần Hồ Bảo N, sinh ngày 09/3/2012. Hiện nay, cháu N đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N. Đối với yêu cầu này của chị T, anh T vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án căn cứ trên những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án để xem xét. Theo chị T, từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và lo cho cháu chu đáo; cháu N cũng có mong muốn sống với chị T nên cần giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị T có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

[7] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N T xin ly hôn đối với anh Trần Minh T;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Ngọc T với anh Trần Minh T.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Trần Hồ Bảo N, sinh ngày 09/3/2012 cho chị Hồ Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Hồ Thị Ngọc T không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Hồ Thị Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Hồ Thị Ngọc T không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001537 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Thành Triệu;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA